

# DU-GIÀ LUẬN KÝ

## QUYỂN 13 (Phần Cuối)

### BẢN LUẬN QUYỂN 52

Kế là giải thích duyên Đẳng Vô gián rằng: Nếu sáu thức này làm duyên Đẳng Vô gián cho sáu thức kia, thì ở phương Tây (Ấn độ) có Luận sư dựa vào văn như ở đây, mà lập ra năm thức với nhiều niệm nối tiếp nhau, có duyên thứ đệ. Tuy nhiên, cuối địa năm thức thân trong phần Bản địa nói rằng một niệm của năm thức sẽ khởi ý thức tìm kiếm, mong cầu ý địa. Lại nói năm thức không có hai niệm nối tiếp nhau, cũng không có sự xoay vần sinh ra thức khác v.v.... Phải biết rằng ở đây y theo suất nhĩ đạo, nên nói như thế. Nếu còn ở Đẳng lưu, chưa tiếp nhận lấy cảnh khác trở lại, thì tự loại của năm thức sẽ tiếp nối nhau không dứt, nên được tự loại có duyên Vô gián.

Sư thứ hai cho rằng năm thức, không bao giờ có hai niệm nối tiếp nhau, thuận với phần Bản địa, chỉ nên giải thích văn quyết trạch này. Nếu sáu thức này làm duyên Đẳng Vô gián cho sáu thức kia, thì đây là nói chung, nên nói là ý thức đối với sáu thức; sáu thức đối với ý thức là duyên Đẳng Vô gián. Nay xét nghĩa đúng của ngài Hộ pháp trong Duy thức quyển tư, thì tám thức đều chỉ tự loại là được chia ra, dắt dẫn đường và nương tựa, giải thích văn luận này nói chung mà ý riêng.

Trong Giải thích duyên Tăng thượng, nói sơ lược về sáu thức.

Hỏi: Quả ái, phi ái với quả Dị thực có khác gì nhau mà phải nói lại ư?

Giải thích: Tức lấy nghiệp thiện, ác cảm riêng khổ vui trong sáu thức, gọi là quả ái, phi ái. Về sau, cảm xả thọ của A-lại-da, gọi là quả Dị thực.

Trên đây, chính là quyết định trong bốn duyên nêu lên và giải thích xong.

Dưới đây, là thứ ba, đối với hai nhân, mười nhân, bốn duyên thông bát bao gồm nhau.

Nói: - Một hạt giống nhân duyên đối với pháp được sinh, có khả năng làm nhân sinh v.v..., nghĩa là nhân “năng sinh” này, như Bồ-tát địa quyển ba mươi tám chép rằng: - Dẫn dắt sinh khởi là nhân duyên. Quyển năm lại nói sinh khởi là nhân duyên, gồm nhân “năng sinh, chẳng phải nhân dẫn dắt mười hai duyên sinh”. Quyển thứ mười nói mười hai duyên này đối với nhau, đều thuộc về dựa vào tăng thượng, dẫn phát, sinh khởi, mà nói nên không có nhân duyên. Lại, như Bồ-tát địa nói nhân sinh khởi vô ký là duyên tăng thượng, nên biết thể của nhân “năng sinh” là nhân duyên. Sinh khởi dẫn dắt, đều chung với duyên tăng thượng. Nếu chỉ sinh khởi, chỉ là nhân duyên, thì trái với duyên sinh và nhân sinh khởi vô ký.

Trong văn này, và y cứ đồng với quyển năm và hai nhân thuộc Bồ-tát địa v.v..., cho nên là nhân duyên, chẳng phải chi khác. Nếu không lãnh hội ý này thì chi hành bị thối nhuần rồi, đây là nhân gì? Đối với sinh, già, chết, mà nói, vì chẳng phải nhân sinh khởi, cho nên cho đến không có nghĩa sinh khởi ngay, là kết đáp câu hỏi trước, khiến nói lại rõ ràng.

Nhân duyên lập mười nhân, như quyển ba mươi tám ở trước và quyển năm nói: Sinh khởi, một phần dẫn dắt là nhân duyên, gồm một phần nhân thọ là duyên Đẳng Vô gián, duyên sở duyên; một phần còn lại và dẫn dắt, sinh khởi, đều là một phần nhân khác, đều là Duyên tăng thượng.

Trên đây, ba đoạn quyết đoán lựa chọn bốn duyên đã xong.

Dưới đây, là thứ hai, nói về nghĩa “duyên” theo tâm vô sinh: 1/ hỏi, 2/ đáp, 3/ vấn hỏi, 4/ giải thích.

Hỏi: Như Đức Thế tôn nói cho đến vì sao nói rộng hành kia là ý duyên sinh. Ý hỏi như tông chỉ của ta nói thể của năm hành uẩn quá khứ, vị lai là “có”, là ý duyên sinh. Thời nay, trong tông chỉ Đại thừa, Luận chủ cho rằng quá khứ, vị lai là “không”, sao Đức Phật nói các hành quá khứ, vị lai là ý duyên sinh ư? Đây là lỗi trái với kinh. Nếu ý cũng “duyên”, chẳng phải có cảnh sự mà được sinh v.v..., đây là lỗi trái với kinh thứ hai?

Đáp: Do khả năng gìn giữ các nghĩa đã không hiện hành của năm thức thân, nên Phật, Thế tôn giả gọi là pháp v.v..., nghĩa là ý đáp rằng, nếu pháp có thể chỉ ở hiện tại, thì thể là “có”, nên gọi là pháp chân thật. Nếu thể của quá khứ, vị lai chẳng phải thật có, nhưng chủ thể gìn giữ tự không có thể, làm cho năm thức không hiện hành, khiến ý thức chuyển biến, giả nói tên pháp, đây há gọi là pháp, nên khiến thuộc pháp xứ.

Trước kia, dẫn trong kinh chỉ có lượng pháp mà không có chữ “xứ”, giả nói là pháp vô vi, vì chẳng phải cho là pháp, nên tức là thuộc pháp xứ, bèn nói là có tự thể. Nên lập lượng rằng:

- Tông: như ta đã nói pháp quá khứ, vị lai là không, lẽ ra cũng gọi là Pháp.

- Nhân: vì có đối tượng gìn giữ.

- Dụ: như pháp hiện tại.

Nên trở thành ý “duyên” quá khứ, vị lai v.v..., không có tự thể. Pháp không có tự thể, ý thức lẽ ra “duyên”, vì pháp này như pháp có tự thể.

Tiếng Phạm Đà la, đời Đường dịch là Nghĩa gìn giữ. Tiếng Phạm Đạt- ma, cũng là Nghĩa gìn giữ, vì khả năng gìn giữ, nên gọi là pháp.

Hỏi: Vì sao biết Phật, Thế tôn có mật ý này? Đây là vấn đề thứ ba. Ý vấn đề: - Đức Phật nói “duyên” pháp xứ sinh ra ý, pháp xứ nhất định có. Làm sao biết được Đức Phật nói là quá khứ, vị lai có thể gìn giữ tự không có thể, để cho ý thức chuyển biến, giả gọi là pháp “có” mật ý ấy?

Trong phần giải thích thứ tư dưới đây, 1/ dùng lý chính đáp; 2/ Lại dẫn ngôn luận rộng lớn để chứng minh “duyên” vô thức.

Trong phần trước, trước nêu ví dụ so sánh để đáp.

“Do ý thức kia cho đến chẳng phải thức cảnh kia thuộc về pháp xứ”, nghĩa là trước đây ông đã dẫn kinh “duyên” ý và pháp, ý thức được sinh, tức chấp nhất định có pháp của pháp xứ, hiện thấy ý “duyên” tâm thức quá khứ, vị lai, đâu thể được nói thức sở duyên thuộc về pháp xứ ư? Thức quá khứ, vị lai dù là đối tượng duyên của ý thức, nhưng không thể dựa vào kinh, chấp pháp là có. Nên lập lượng rằng: Các pháp sắc v.v..., là cảnh sở duyên (đối tượng duyên) của ý thuộc hai đời quá khứ, vị lai chẳng bao gồm pháp xứ. Vì “duyên” thức của đời quá khứ, vị lai nên lấy đối tượng mà ý thức hiện hành, như sáu thức đã duyên đời vị lai.

Hỏi: Có phải đây là duyên sở duyên hay không?

Đáp: Ảnh tượng thích hợp với tâm, chỉ thức bao gồm ba đời, nên là duyên sở duyên (chủ thể duyên, đối tượng duyên). Bản chất này không có pháp, chẳng phải nhân quả; ảnh tượng có thể thành nhân, quả. Nay, y cứ phá chấp bên ngoài, chẳng phải là ảnh tượng trong Đại thừa không có các thức để hiện hành. Lại, tánh có, nghĩa là an lập nghĩa “có”, khả năng gìn giữ nghĩa “có” v.v..., là bảo cho biết chánh lý kia.

“Nếu đối với hai thứ... ” trở xuống, là vấn đề lại. Nếu đối với hai thứ “có” “không”, chỉ hiểu rõ pháp “có”, chẳng hiểu rõ “không”, thì

không nên nói là ý “duyên” tất cả nghĩa, vì ý chỉ “duyên” “có”, nên điều này trái với đạo lý. Giả thiết tạo ra thuyết này, tức là phải trái với Tất-đàn-đa của mình, nghĩa là nếu ông nói ý chỉ “duyên” pháp “có”, chẳng “duyên” “không”, tức là trái với ý của tông mình “duyên” tất cả, đây là lỗi trái tông.

Tất đàn đa, Hán dịch là Tông. Giải thích: Hán dịch là Giáo.

Lại, không nên nói v.v... trở xuống, là lỗi sai trái.

Cho nên... trở xuống, kết “duyên” chẳng phải có. Pháp sư chứng người Tân-la nói pháp có ba nghĩa:

1/ Gìn giữ sai khác, như đoạn văn trên đây, nói về nghĩa sai khác của gìn giữ thức không hiện hành.

2/ Gìn giữ tự tánh, như đoạn văn kế là nói.

Lại, tánh “có”, nghĩa là an lập nghĩa “có”, chủ thể gìn giữ nghĩa “có”.

Vô tánh (tánh không có) nghĩa là an lập nghĩa “không”, chủ thể gìn giữ nghĩa “không”.

Ba quở tắc sinh kiến giải. Kế là, trong văn nói rằng do ý thức kia đối với nghĩa có tánh, nếu do nghĩa này mà được an lập, tức do nghĩa này khởi thức phân biệt rõ về nghĩa không có tánh. Nếu do nghĩa này mà được an lập, thì do nghĩa này khởi thức rõ biệt.

Dưới đây, là thứ hai, dẫn ngôn luận rộng, để chứng minh có “duyên” là không. Trong văn có hai:

1/ Nêu năm thứ đạo lý của ngôn luận, để chứng minh “duyên” vô thức.

2/ Giải thích thuyết khác của kinh, trong phần trước, thứ nhất là ngôn luận, Luận sư Cảnh nói ngã này không có tánh. Chẳng thuộc về vô vi. Bồ-tát địa nói rằng hữu vi, vô vi gọi là “có”. Chẳng phải ngã, ngã sở, gọi là “không”. Nói có tướng chung, quán thức chẳng phải không “duyên” cảnh giới kia mà chuyển, nghĩa là nói về nghĩa vô ngã này. Gọi là chung tâm “duyên” quán chung, nên biết rằng ý thức “duyên” “không”, được sinh quán vô ngã này. Nếu văn, tư tác động, tức là tỷ lượng.

Trong tâm tu tuệ có hai thuyết:

1/ Giải thích: Muốn nhập quán ở trước, tạo ra vô ngã trong tâm văn, tư phương tiện, là tướng chung kia, chính là tỷ lượng. Chính là khi nhập tu tuệ quán vô ngã, là hiện lượng kia. Hiện lượng mỗi việc chứng riêng các pháp vô ngã mà nói là chung, nghĩa là từ phương tiện đặt tên.

2/ Giải thích: Tu tuệ, chứng minh đúng vô ngã, thật sự là chứng riêng cảnh giới tự tướng, chỉ dùng các pháp dưỡng như vô ngã, nên gọi là chung. Pháp sư Khuy Cơ nói bản chất của vô ngã này là không, như chánh trí, tức “duyên” vô ngã kia không có làm sáng tỏ được chân như, như trí gia hạnh, tức cũng có ảnh tượng, thích hợp với tâm y theo gốc, gọi là không có ảnh tượng, nói là “có”. Nay lấy bản chất phá người ngoài. Nếu ảnh tượng là bản chất của tánh y tha, là thuộc về tánh nào?

Đáp: Thuộc về pháp đồng phần trong bất tướng ứng. Pháp này chính là nghĩa tướng phần của tâm đồng chủng với tâm, gọi là pháp đồng phần, chẳng phải cho là lời nói dựa vào vô ngã, soi rọi ngay bản chất, lại không biến đổi sinh, tức là thuộc không có pháp, lẽ ra đồng với cách giải thích trước.

Nói quán tướng chung, đây là y theo lời nói của đạo gia hạnh. Hoặc các pháp chân như, vì chung, nên gọi là chung, chẳng phải tâm “năng duyên” dựa vào chung. Lại, vì trên Trí hậu đặc tạo ra quán này, nên gọi là tướng chung.

Trong ngôn luận thứ hai, Pháp sư Cảnh nói “duyên” giả đặt ra thức uống, ăn, đoàn quân, khu rừng không có tánh làm cảnh, mỗi pháp phân biệt biết cảnh của tự tướng. Pháp sư Cơ nói quán tự tướng, nghĩa là chẳng phải tự tướng trong tự tướng, cộng tướng (tướng riêng, tướng chung). Đây là nói chung, nói riêng trong chung. Tự, nghĩa là thể tướng riêng, tức tự tướng của thức uống ăn, chẳng phải như năm thức, mỗi thức đều chứng biết, gọi là tự tướng.

Nếu nói vô ngã “duyên” khổ đế, thì khổ đế tức vô ngã, đây là khổ “có”, có thể gọi là “ngã” không có. “Duyên” riêng tất cả pháp, ngã không có, việc này thuộc về chỗ nào? Nên biết trong “duyên” không có mỗi thứ, đều nên lập lượng rằng:

“Duyên” cảnh Vô Sắc, ý thức lẽ ra chuyển. Vì ý đã chấp, như vô ngã v.v...

Trong ngôn luận thứ ba cho rằng, Da kiến bác bỏ không có bố thí v.v..., thật sự chẳng có cái “không” này. Nay, “duyên” không khởi, há chẳng phải “duyên không” sinh.

Vì nói không có bố thí, không có ái v.v... Pháp sư Thái nói cha mẹ và vật v.v... của con, gọi là ái.

Ngài Tam Tạng nói ba giải thích. Như quyển bảy ở trước ghi nhận trong ngôn luận thứ năm nói rằng đối với hành vị lai, chẳng phải không tùy quán sinh diệt. Pháp sư Thái nói ở đây cũng tùy quán tướng phần của tâm, có tướng sinh tử, chứng tỏ rằng vì sinh diệt không có lý do, cũng

là “duyên” tâm vô sinh. Nếu “duyên” sẽ có sinh diệt, tức là “duyên” tâm có sinh. Pháp sư Cơ nói vì bản chất trong đây cũng là không. Cách phá của thời nay chẳng phải trong ảnh tượng của tâm người Đại thừa tự không biến đổi thành tướng sinh diệt v.v..., nên lập luận rằng: Quá khứ, vị lai lẽ ra không có sanh, không thuộc về hiện tại, như sừng thỏ, v.v...

Hai đời quá khứ, lai tất nhiên không có diệt. Vì do không có sinh, như lông rùa v.v... ở dưới là giải thích thuyết khác của kinh, có ba kinh. Giải thích ý đáp trong kinh đầu tiên, Đức Phật nói nghiệp đã khởi ở quá khứ huân tập hạt giống ở thức, sinh ra chủ thể huân tập kia, nói là có nghiệp quá khứ.

Đại tự tại là định đại tự tại thứ tư, tự tánh là tự tánh của Số luận. Trương phu là thần ngã của Thắng luận v.v... Trong giải thích kinh thứ hai nói không nên do thuyết của tánh quá khứ, vị lai kia nói là “có”, nghĩa là thể của pháp quá khứ, vị lai kia. Tiểu thừa nói nay hiện có, không nên nói là khứ, lai, vì tánh của khứ, lai sẽ có, đã có, không nên dùng tánh quá khứ, vị lai để nói là hiện đang có.

Trong giải thích kinh thứ ba, Pháp sư Cảnh nói đã cho quả xong, hạt giống nối tiếp nhau, với công năng của căn dù hết, sinh ra công năng của tự loại, vẫn nối tiếp nhau có. Lấy xong, với công năng của quả căn đã hết, gọi là cội quá khứ, sẽ sinh ra hạt giống của quả, dòng nối tiếp của hiện tại, gọi là cội vị lai cho quả hiện tại, chưa xong, là chưa cho quả, gọi là cội hiện tại. Pháp sư Thái nói nếu đã cho hạt giống của quả nối tiếp nhau, gọi là cội quá khứ. Nếu chưa cho quả, hạt giống đương lai nối tiếp nhau, gọi là cội vị lai. Nếu chưa cho quả, hiện tại nối tiếp nhau, gọi là cội hiện tại. Đời vì cho hạt giống của tự loại hết, sẽ phải diệt. Vì quả sinh nên nhân diệt, quả của quá khứ sinh hiện tại, thì chẳng phải hạt giống hiện tại.

Lại giải thích y theo môn lý tùy chuyển, từ nghĩa cho sáu, bảy quả của loại khác, vì nhân diệt, quả sinh. Nếu hạt giống ở hiện tại, cũng không phải cho quả.

Phần thứ năm của môn đại nói về nghĩa Bất tương ưng hành. Cuối quyển thứ ba trong ý địa của Bản địa phần nói lược về pháp giới, hoặc giả, hoặc thật, có bảy mươi tám pháp: tâm sở có năm mươi ba. Sắc có hai thứ sắc của luật nghi, bất luật nghi, sắc Tam-ma-địa sinh. Bất tương ưng có hai mươi bốn, đó là đắc, định vô tưởng v.v... Vô vi có tám, đó là hư không v.v... Nói rộng là tám, nói lược là sáu bình đẳng. Nay, ở đây quyết định lựa chọn Bất tương ưng hành chỉ có hai mươi hai, trừ bất hòa

hợp và phương. Dưới đây đều đầy đủ. Quyển năm mươi ba nói hai định và quả báo. Vì sao không nói phương, bất hòa hợp ư? Nghĩa là phương phần nhiều y theo sắc để nói, còn bất hòa hợp thì dựa vào các duyên ly tán để nói. Vì chẳng phải tướng mạo của sắc, tâm không sáng tỏ, nên lược qua không nói. Lại nữa, nay tóm tắt dùng năm môn để phân biệt:

1/ Nói về thể, đều là pháp giả không có tự thể, không cần hạt giống, bất tương ứng hành uẩn, thuộc về pháp xứ của pháp giới, đây là phần vị giả.

2/ Giải thích danh: đầy đủ, thì nên nói là chẳng phải sắc bất tương ứng hành. Nói chẳng phải sắc, tức phân biệt với sắc, bất tương ứng, lại phân biệt với tâm. Tâm là tương ứng, vì chẳng phải tâm, nên gọi là bất tương ứng. Hành, phân biệt với vô vi, pháp vô vi cũng không phải tương ứng, chính là vì hữu vi, cho nên là hành, tức là từ số phân biệt đặt tên, tên riêng như văn nói rất dễ hiểu.

3/ Nói về giai đoạn của tâm, sắc được kiến lập.

4/ Kiến lập trên phần duy tâm, nghĩa là hai vô tâm nhất định Di thực vô tướng, giả đặt ra trên hạt giống của chỗ không có tâm. Nếu hai định kia, trước khi nhập định tâm huân tập thành hạt giống, ở trên hạt giống, có nghĩa trái với tâm không khởi, giả lập bên cạnh. Di thực vô tướng cũng y theo chỗ không có hạt giống Di thực kia mà kiến lập. Vì thế, nên luận Đối Pháp nói ở nơi phần vị khác nhau của tâm, tâm pháp, nhằm kiến lập ba thứ.

Ngài Tam Tạng nói quả báo Vô tướng được kiến lập ở trên A-lại-da, đây chính là báo chung. Quyển năm mươi ba nói tâm, tâm pháp của sinh đắc diệt, tức tâm, tâm sở của báo đã diệt.

5/ Chỉ y cứ sắc để kiến lập, nghĩa là danh, cú, văn thân và phương, nên luận Đối Pháp nói ở phần vị ngôn thuyết, kiến lập danh, cú, văn thân, nơi nhân quả mười phương đầy khắp, giả nói là Phương. Phải biết rằng trong đây chỉ nói nhân quả thuộc về Sắc pháp. Vì chỗ đầy khắp của pháp không có sắc, không có công năng, nên mười bảy thứ khác, y cứ chung phần vị nhân quả của sắc, tâm mà giả kiến lập, trong đó, nếu mạng căn dựa trên thức thứ tám cũng là tâm. Luận Hiển Dương nói ở sáu xứ, quyết định kiến lập, tức chung cả sắc, tâm.

Hỏi: Như dài, ngắn, là y theo sắc để lập thể, lại là sắc. Danh, cú, văn, y theo âm thanh để kiến lập, vì sao chẳng phải âm thanh?

Giải thích: Dài, ngắn, chỉ y theo sắc để kiến lập, lại là tướng sắc, thể lại là sắc. Danh v.v... lại dựa vào xứ này, y theo thanh để lập, y cứ chung mười phương, chẳng phải chỉ y theo âm thanh.



Hỏi: Nếu vậy, phương chỉ y theo sắc để giả đặt ra, sao chẳng phải sắc?

Giải thích: Lấy chung bốn uẩn, v.v... của chúng sinh trong phương để kiến lập phương, nên không phải sắc.

Nói về ba tánh hữu lậu, vô lậu, thể Di thực vô tướng chỉ có vô ký. Thể của hai định vô tâm chỉ là thiện. Thể tánh của phàm phu chung cho bất thiện, kể cả ẩn mất (hữu phú vô ký), vì kiến dứt trừ hạt giống, có chung bất thiện và ẩn mất vô ký. Mạng căn, danh, cú v.v... có cả thiện, vô ký. Phương cũng có thể như thế, vì dựa vào sắc để lập. Ở đây là y theo bản chất, pháp khác có cả ba tánh. Pháp sư Thái nói mạng căn, đồng phần, danh, cú, vẫn là tự tánh vô ký. Di thực vô tướng là sinh đắc vô ký. Mạng căn vì có chung là chỉ quả, nên gọi là tự tánh, không nói rằng sinh đắc.

Lại nữa, định vô tướng và báo, tánh phàm phu chỉ có hữu lậu, diệt định có chỉ vô lậu, ngoài ra, có cả hữu lậu, vô lậu.

Nói về trói buộc của ba cõi. Định vô tướng, Di thực vô tướng chỉ là trói buộc cõi Sắc. Ba thứ danh, cú, văn hữu lậu, là trói buộc của cõi Sắc, vô lậu là không trói buộc. Tánh phàm phu có cả trói buộc ba cõi. Diệt tận định chỉ có không trói buộc. Mạng căn, đồng phần có cả trói buộc và không trói buộc. Mười lăm hữu lậu khác tức là trói buộc của ba cõi, vô lậu là không trói buộc. Nếu theo ngài Khuy Cơ giải thích thì phương chỉ có cõi Sắc. Nói về năm môn xong. Trong đây, giải thích tóm tắt về mười chín pháp, chia làm mười bốn đoạn:

1/ Giải thích về bốn tướng, văn chia làm ba:

- Nói về tướng.
- Đối với vạn hỏi, giải thích, thông suốt qua.
- Nói về danh nghĩa sai khác của bốn tướng.

Trong phần trước, trước là hỏi, sau là đáp.

Trước nói về già, sau gọi là trụ, nghĩa là vì ngay lúc sinh, tức là dị, nên chẳng phải vì có trụ, nên mới dị. Lại, vì khiến sinh nhằm chán, nên trước hết nói dị, trụ, vì lẫn lộn với pháp thường.

Trong đáp có bốn:

- 1/ Không có vị lai sinh.
- 2/ Không có hiện tại sinh.
- 3/ Nói có nhân, không có sinh riêng.
- 4/ Tới, lui, gạn hỏi, trách cứ.

Phần thứ năm, kết quy nghĩa đúng.

Trong phần trước, lập chung lượng rằng: Pháp ở đời vị lai nhất



định sẽ không có hiện tại, vì không thuộc về vô vi, như sừng thỏ v.v... Ông nói là đời vị lai sinh, nhất định chẳng có cái có, vì thuộc về vị lai, như sắc vị lai. Lại, vị lai sinh, không thể sinh ra thể của pháp, vì không có, như sừng thỏ v.v...

Kế là, nói không có đời hiện tại. Người ngoài nói trong kinh nói có sắc đời vị lai v.v..., nên biết có sinh riêng, sinh ra các pháp.

Nếu vậy, luận nói cái gọi là hoặc sinh, hoặc khởi, hoặc hiện tại, cho đến thành tựu tánh hiện tại. Ở đây, đáp vặn hỏi của người ngoài: - Kinh nói có sinh, tức có tự thể riêng. Kinh nói có hiện tại, nên phân biệt có hiện tại. Hiện tại khiến cho pháp hiện tại, nên lập lượng rằng: Không có năng sinh riêng sinh ra các sắc, v.v.. nói trong kinh Sinh khởi Hiện Tại Tam Pháp. Như khởi đến hiện tại, lại hiện tại nên có siêng năng hiện tại. Các pháp hiện tại trải qua thuyết sanh khởi thuộc về ba pháp hiện tại như sanh của ông, kế là nói có nhân mà không có sanh riêng, như văn. Kế là tiến lùi, gạn trách, tức là pháp, lập lượng rằng:- Sinh là sắc, không có tự thể riêng. Vì sắc có “cái có”, cũng như sắc v.v..., là không đúng, vì đều có lỗi trái tông.

Trong phá nhân sinh, Pháp sư Thái nói ở mỗi hành tức là có hai sinh, nghĩa là đã có nhân của hai sinh, tất nhiên, là có quả của hai sinh. Đã mỗi hành vì không có hai pháp sinh, ông cho rằng, sinh nhau là nhân của sinh, có thể sinh ra hành thì không hợp lý. Ngài Khuy Cơ nói ở trước phá tiểu sinh rằng: Tiểu sinh lẽ ra không có tự thể. Đối với đại, chủ thể sinh và trong vô vi v.v... của pháp bị sinh (đối tượng sinh) không thể được. Hoặc vì không nói riêng, nên ngang bằng với hai nhân, như sừng thỏ v.v... Tiểu sinh đã phá, tức phá đại sinh. Ông nói Đại sinh chẳng phải là nhân sinh của pháp, nói là pháp năng sinh, nên như Tiểu sinh, v.v... Vì thế, người ngoài lập nên hai sinh là lỗi to. Một sinh còn không thừa nhận có thì cần gì nói đến hai sinh, nghĩa là sinh là Tiểu sinh, vì tự nó từ duyên khởi. Chủ thể sinh là Đại sinh, vì có thể sinh ra cái khác. Dưới đây, là kết nghĩa đúng, như văn.

Giải thích, đối với vặn hỏi, Văn có hai: đầu tiên, chung cả bốn tướng, hợp thành ba tướng, nói là do vị lai sinh, đây là sắp sinh, hiện tại, chính sinh trong diệt, hiện tại sắp diệt, quá khứ đang diệt. Cho nên luận về sinh, y cứ sắp sinh; luận về diệt, y cứ chính diệt, luận cũng làm rõ lẫn nhau. Trong kinh chỉ có trong sinh diệt. Thượng tọa bộ lấy việc này để chứng minh rằng, tâm chỉ có hai tướng. Sắc v.v... cũng có ba tướng.

Kế là, giải thích. Quán sinh diệt trong ba tướng hữu vi.

Nói trụ, dị cùng sinh đã rõ ràng, nghĩa là lấy nghĩa của tướng sinh

để nói trụ, dị, chỉ khi quán sinh, tức quán trụ, dị. Lại, quán sinh diệt, có thể khởi nhàm chán, lìa bỏ v.v... Đoạn văn này rõ ràng, chỉ nói hai tướng sinh diệt, là tướng vô thường, thêm vào trụ, dị, gọi là tướng hữu vi.

Nói về danh nghĩa khác nhau của bốn tướng. Sự khác nhau của sinh có mười một: trước hết, vào thai, gọi là sinh thấp kém, trong ba thời gian đều trái ngược. Vào thai, gọi là sinh trong xứ, nghĩa là lúc xuất, nhập thai không trái ngược. Độc giác nhập, trụ không trái ngược. Nhập thai sau cùng, gọi là sinh khéo léo.

Ba thời gian không trái ngược, đó là đức Như lai. Các tướng sinh, già, chết này, như kinh Duyên Khởi có nói rộng. Trong vô thường có sinh khởi vô thường, tướng sinh lúc này vì sao không có diệt, hoại sinh trong sinh, nghĩa là lúc tướng diệt. Ở đây có hai thứ: tướng vô thường và thể vô thường.

Sinh là thể vô thường. Pháp sinh, vốn y theo pháp có, cho nên pháp diệt chẳng phải sinh. Nên giải thích về vắn hỏi “có”, tư duy sẽ hiểu. Lại, y theo đồng sinh, không có trở ngại.

Biến đổi vô thường, nghĩa là điều đáng yêu tự nó hư hoại, tan hoại vô thường, bị người khác xâm chiếm, cướp đoạt. Ngoại đạo chỉ nhàm chán, lìa bỏ một phần các hành, không thể rốt ráo, nghĩa là do đối với của cải dù duyên sự sinh, thiếu dục, nhưng đối với có “hữu cụ”, không thể biết đủ.

Kế là, nói về “đắc”, đạt được thành tựu, nghĩa là nếu lược nói sinh, “duyên” nhân thịnh vượng thêm của nghiệp thọ, nói là đắc v.v... Pháp sư Cảnh nói đắc, được thành tựu, là nói theo Tiểu thừa, “đắc” là y cứ mới được, thành tựu là có cả mới cũ. Nay theo nghĩa trong Đại thừa, tức là chung. Pháp sư Khuy Cơ nói đây là y theo hạt giống chưa hàng phục, chưa dứt trừ, có công năng sinh ra quả, gọi là nhân tăng thịnh, lập ra “đắc”, chứ chẳng phải đã hàng phục, dứt trừ hạt giống mà gọi là đắc. Vì thế, đoạn văn dưới đây nói nếu chưa được định hàng phục và Thánh đạo hàng phục, như căn lành đã gieo trồng, không bị tà kiến khuất phục, gọi là thành thực, gọi là đắc, nên tức hàng phục, dứt trừ kia đã bỏ, chỉ gọi là hạt giống, không gọi là Đắc. Như Đối pháp nói ba thứ thành thực: Nếu ở cõi Dục được định cõi Sắc, cõi Vô Sắc thì hạt giống cõi Dục vừa gọi là thành thực, vừa gọi là không thành thực, chưa dứt hẳn tùy miên, vì thuộc về đối trị. Nhưng thành thực có hai nghĩa:

1/ Thể Thành thực. Nếu đã lìa dục, vì có tự thể nên cũng gọi là thành thực.

2/ Công năng Thành thực, như đã lia đục, không có công năng sinh quả, gọi là không thành thực.

Trong đây, vì y cứ riêng công năng sinh quả, nên không thành thực. Y cứ thể thành thực kia có, cũng gọi là thành thực. Đây là y theo lời nói vượt hơn thêm của hạt giống như hiện hạnh, cũng gọi là thành thực. Dưới đây nói trong hạt giống có tự tại. Câu văn này y theo phần vượt hơn. Nếu Trên đây chưa được pháp này, pháp này đã không có được nhân sinh, thì lẽ ra thường không sinh. Pháp sư Cảnh nói nếu phàm phu đã chưa được Thánh đạo vô lậu kia. Đã không có được nhân sinh Thánh đạo, như Thánh đạo này lẽ ra thường bất sinh, vì không có nhân, nên lập lượng rằng: Thánh đạo của tự thân lẽ ra thường bất sinh, vì không có nhân, như mầm không có hạt giống, sẽ không sinh. Pháp sư Khuy Cơ nói đây là vấn hỏi hạt giống vô lậu vốn là không, lại y theo tông chỉ ngoài, chẳng phải nghĩa của Luận sư Thắng Quân về hạt giống vốn không trong Đại thừa. Do đoạn văn này tức là vốn không có vô lậu hạt giống. Nếu các pháp này không lia nhân tán, cho đến lẽ ra hiện hành ngay. Pháp sư Cảnh nói do tông chỉ của Tiểu thừa chủ trương sáu thức không chung đồng, một thức tâm không có ba tánh đều sinh, nên tạo ra vấn hỏi này, nên lập lượng rằng: Lúc tâm thiện khởi, tương ứng với tâm của hai tánh khác đều khởi, vì có nhân cũng như tâm thiện, cho đến tâm vô ký khởi hai tánh khác, tâm nhất định lẽ ra đồng khởi, vì có nhân, như tâm vô ký. Hai câu này tức thích hợp với hạt giống thành thực. Nếu thế tự tại v.v... trong duyên dẫn phát, Pháp sư Cảnh nói hạt giống thiện gia hạnh và một phần thiện của hạt giống vô ký, chỉ tập, nghĩa là gặp phải năng lực tự tại của duyên dẫn phát, giả lập là đắc, tức là đắc tự tại.

Dùng tự tại này làm nương tựa... trở xuống, là nói hiện hạnh thành thực. Pháp sư Khuy Cơ nói cứ theo văn này nói thế lực tự tại v.v... trong duyên dẫn phát, tức ở trên pháp ngoại cũng giả lập thành thực, phải biết rằng “đắc” này lược có ba thứ v.v..., Pháp sư Cảnh nói nếu dứt hẳn hạt giống nhiễm thì đối với hạt giống vô ký, thiện, cũng gọi là hại. Lại nói xưa nay, Luận sư Tiểu thừa phần nhiều chỉ nghĩa nói là thân ở địa dưới, được khởi tâm sinh đắc thiện của địa trên, như là thiên nhãn, nhĩ thông. Vô ký oai nghi từ tâm định tịnh sinh sau, thì sẽ không được vào ngay định tịnh, mà chủ yếu là vào tâm sinh đắc thiện của địa trên, mới vào định tịnh. Lại, so sánh mà biết định, thuận nhập đến phi tướng xuất, ở trong sinh đắc thiện mới lại nhập nghịch, v.v... Lại, y theo La hán lui khởi phiền não của cõi Vô Sắc. Đã không có phần lui sụt, thì định từ

tâm nào mà khởi phiền não. Do nghĩa này so sánh biết thân ở địa dưới, được sinh đặc thiện lìa dục của địa trên. Nay, trong Đại thừa cũng có vấn. Ngài Tam Tạng nói thiên nhãn, nhĩ thông chẳng phải là oai nghi vô ký mà là quả thần thông. Lại, khi vượt qua thiên, từ sơ Tĩnh lự thuận nhập đến định Phi tưởng, chỉ trong nhiều thời gian. Hoặc chuyển biến tạo ra quán khác, gọi là thắng là thuận nhập. Về sau, dựa vào quán gốc, lại nhập nghịch định cõi dưới, gọi là nhập nghịch. Đạo lý của câu thuận nghịch, nghịch thuận đều thành tựu, không hẳn cần phải xuất ở tâm tán mới thành. Vượt qua định, La hán lui sụt, khởi phiền não cõi Vô Sắc. Từ trụ phân định mà nhập phiền não. Nếu dựa vào giải thích này, thì thân ở địa dưới, sẽ không khởi tâm sinh đặc thiện của địa trên. Pháp sư Thái nói đặc có ba thứ:

1/ Hạt giống là chủ thể đặc, nên phát khởi ba tánh là đối tượng đặc.

2/ Hạt giống biến hóa của phương tiện thiện là chủ thể đặc, nên khởi tâm v.v... vô ký biến hóa của phương tiện thiện làm đối tượng đặc, đây đều là pháp mà ở trước đã được.

3/ Tức các pháp ở trước hiện ở trước làm đối tượng đặc, tức hạt giống trước với pháp sở đắc đều gọi là hiện hạnh đặc, đây đều là do đặc, được các pháp. Nếu dùng hạt giống hiện khởi làm đối tượng đặc, tức dùng công dụng của hạt giống thuộc trên bản thức làm chủ thể đặc, đây là sau đắc có đặc. Lại, vì hạt giống hiện khởi, nên cũng là hiện hạnh đặc. Lại, nếu do hạt giống trước từ hạt giống sau, cũng là hạt giống thành thực và hiện hạnh thành thực. Pháp sư Khuy Cơ nói chưa được định hàng phục v.v..., cho đến gọi là thành thực v.v..., đây là y theo công năng không thành thực, chứ chẳng phải thể. Luận Đối Pháp nói nếu được đạo đối trị vô lậu, mới gọi là hạt giống thành thực, thì đặc thành thực. Nếu sinh cõi Sắc v.v..., thì cõi Dục cũng gọi là thành thực, cũng gọi là không thành thực. Tánh không thành tựu kia là tánh gì? Sao nay lại có phi đặc riêng? Phi đặc bao gồm hết tất cả phi đặc. Nhưng nay không lập là có ý gì? Một là vì ngăn ngừa phải nói nhiều, lẽ ra cũng lập chẳng phải đồng phần và không lưu chuyển v.v..., nên lược qua không nói. Lại, tức bao gồm trong đặc, như không thành thực khởi, đều tất nhiên là có đặc. Được phi đặc này tức đối tượng đặc, cho nên không nói.

Không nói tiểu đặc, nghĩa là Đại thừa không có lỗi, vì chứa nhóm nhiều lớp giả. Bốn tướng cũng vậy, nhưng phi trạch diệt đặc. Đại thừa cũng có cả hữu lậu, vô lậu, chỉ là vô ký và thiện. Thiện, nghĩa là đặc

trong thân Phật. Vô ký nghĩa là phi trạch diệt đắc, đối tượng nương tựa trong thân Phật. Nay, Đại thừa có hạt giống không thể được trên đối tượng nương tựa, lập phi trạch diệt đắc, vì rằng công năng của hạt giống thiếu duyên, không sinh quả sau, tức gọi là phi trạch. Vì sao “đắc” này lập ra đối tượng nương tựa. Nếu thân Như lai không có hạt giống, nên thuộc về đối tượng nương tựa và hạt giống. Hạt giống vô lậu không thể sinh quả hữu lậu, cũng là Đắc trạch diệt vô lậu, chỉ là vô lậu phi trạch đắc, có cả thiện hữu lậu, vô lậu và vô ký. Thiện, là đạo thế gian, cũng là thiện trạch diệt. Trạch diệt đắc, có cả pháp hữu lậu, vô lậu, pháp trước, pháp sau đều có, phân biệt chỉ cùng với pháp .

Một phần vô ký trong tự tại thành thực, luận Đối Pháp nói xứ công xảo, tâm biến hóa v.v... Đắc trong đồng đẳng, lấy oai nghi, như oai nghi của Phật tập rất thiện, vì gia hạnh sinh.

Trong giải thích mạng căn, trước nói chung về tướng; sau, nói về năm cặp khác nhau. Ngài Tam Tạng nói chỉ ở trên A-lại-da lập chỉ là báo chung, trái với văn luận Hiển Dương. Luận ấy nói khi sáu xứ trụ vì quyết định. Dựa vào quyết trạch để nói mạng căn hoàn toàn là Dị thực vô ký, trong khi luận Đối Pháp nói rằng, mạng căn được gọi là tự tánh vô ký, nghĩa là tức một vô ký Dị thực này y theo thể là Dị thực vô ký, lại gọi là tự tánh vô ký. Nhưng vô ký Dị thực hẹp, chỉ ở Lại-da, còn tự tánh vô ký thì rộng.

Đối pháp nói tự tánh vô ký, nghĩa là năm căn, ba trần, mạng căn, chúng đồng phân, danh, cú, văn thân. Lại, Đối Pháp nói sinh đắc vô ký, nghĩa là do pháp hữu lậu thiện, bất thiện đã sinh ra Dị thực, gọi là sinh đắc vô ký, tức nói vô tướng sinh là sinh đắc vô ký. Pháp sư Khuy Cơ nói vì sao không lập tiểu mạng căn và Đại mạng căn làm căn, như bốn tướng, v.v... nay Đại thừa không lập cũng không ngại. Đối pháp y cứ trên chúng đồng phân để lập, nên biết có cả quả báo chung, riêng, nghiệp trước đã dẫn rằng, chỉ là Dị thực, không được chung trên đẳng lưu trưởng dưỡng. Nếu lập lời nói nơi chúng đồng phân, cũng giống với giải thích trưởng dưỡng. Nhưng cũng nói là nghiệp trước, nên chỉ có báo. Lại, không đúng, chỉ là lập trên tâm, tức tâm Dị thực sinh của sáu thức, tâm chủ thể gìn giữ trên sáu xứ, cũng không ngại gì. Ngoài ra như luận Đối Pháp nói. Lại, thuận sinh báo sau, không nói là báo hay chẳng phải báo. Nhưng, như biến dịch thối nhuần sự sinh. Và La hán xả y, bát, mạng sống lâu, đều nhuần thối nghiệp kiếp trước, nên chẳng phải báo hiện tại.

Hỏi: Nghiệp đời trước này là dài hay ngắn? Nếu dài thì lẽ ra tự

sinh, đâu cần thấm nhuần ? Nếu ngắn, thì mạng sống lâu vì sao dài? Tức nghiệp hiện tại chiêu cảm lẽ ra là hiện báo. Nay giải thích: Mạng nghiệp trước của nghiệp quá khứ, nay thấm nhuần nghiệp cũ, nên chẳng phải hiện báo, chẳng phải hiện báo thì phán quyết việc gì? Vì trong văn có nói nghiệp trước, nên chẳng phải hiện báo.

Dưới đây, trong phần nói về tự thế lực chuyển, đã nói rằng A-la-hán v.v... nên biết ba nghiệp trước đều được mạng sống lâu. Ngài Tam Tạng nói bờ mé đạo lý của Đại thừa vượt hơn định, giải thích bốn tĩnh lực, nên bốn quả Thánh đều được mạng sống lâu. Trong chúng đồng phần, Pháp sư Cảnh nói giới, đường sinh ba, thể là Dị thực, pháp khác có cả ba tánh. Hữu lậu và vô lậu chỉ y cứ chúng đồng phần để lập. Tỳ bà sa cũng vậy. Về sau, đến Luận sư Câu-xá mới lập đồng phần của pháp có. Pháp sư Khuy Cơ nói chúng đồng phần chung cho đẳng lưu trưởng dưỡng và Dị thực. Lại, có cả ba tánh.

Tánh phàm phu. Pháp sư Cảnh nói kiến cụ phược (trói buộc đủ) dứt trừ hạt giống phiền não, giả lập tánh phàm phu. Do chướng, đầu tiên nhập Thánh, nên về mặt lý, kiến đạo dứt trừ nghiệp phiền não và Dị thực, đều nên kiến lập thể tánh phàm phu, chỉ vì hạt giống thường nối tiếp nhau, nên y cứ riêng để kiến lập. Pháp sư Thái nói thọ khác, hưởng đến sinh, đều chấp cảnh khác. Công do kiến hoặc, nên đối với kiến hoặc, nên đối với công năng của hạt giống kiến hoặc, giả lập tánh phàm phu.

Bậc Thánh không thọ thân phàm phu trong năm đường và chứng chân không khác, nên sơ tâm kiến đạo trở lên, gọi là xả tánh phàm phu.

Hòa hợp, Pháp sư Cảnh nói vì đồng một sự thành tựu, nên luận Đối pháp, Du-già đều không giải thích về tánh bất hòa hợp. Ngài Tam Tạng nói chỉ y cứ (dựa) trên pháp ly tán của nhân, quả (pháp nhân, quả lìa tan), giả lập tánh bất hòa hợp. Theo tông phái Tát-bà-đa, ngoài mười bốn pháp bất tương ứng, còn lập riêng một tánh bất hòa hợp. Nói bất hòa hợp, tức là tánh không được, không thành thực. Trong không được này bao gồm khắp tánh của tất cả pháp không được, nghĩa là tánh phàm phu; tánh lui sụt; căn che lấp, tánh hòa hợp không hòa hợp v.v... Do xúc có thể lại hòa ba sự, nên nói riêng về duyên hòa hợp của xúc đó. Dưới đây, sẽ nói về sự khác nhau. Hoặc có lãnh thọ hòa hợp, nói là sáu xứ “duyên” xúc, nghĩa là sáu xứ làm duyên cho xúc, xúc đối với cảnh ở trước. Cũng gọi là hòa hợp lãnh thọ, hoặc “duyên” sắc v.v... ; hoặc lấy sáu cảnh như sắc v.v... làm duyên cho xúc, hoặc “duyên” tác

ý v.v... Do tác ý v.v... làm duyên sinh ra xúc. Hoặc xúc “duyên” thọ, kế là nói về “duyên” xúc kia và thọ, làm duyên sinh thọ, gọi là chung là hòa hợp lãnh thọ. Hòa hợp lãnh thọ, nói là sáu xứ duyên, nghĩa là xúc là thọ duyên, cũng gọi là lãnh thọ. Nay, nói sáu xứ là duyên của xúc, tức dựa vào sáu xứ giả lập nghĩa hòa hợp lãnh thọ. Các pháp khác, cứ so sánh sẽ biết.

Hoặc có hòa hợp thanh tịnh nghĩa là mười hai thứ nhóm hợp không có lẫn lộn. Đối pháp Quyển 15 dẫn kinh Thập nhị hà, nói về tướng dẫn phát, trước lập hai câu: tự viên mãn và tha viên mãn.

Mỗi tự, tha viên mãn này đều có năm câu. Hợp số chung, riêng gọi là mười hai. Ngài Tam Tạng nói xuất địa Thanh văn, xét trong danh, cú, văn thân, trước nói về tướng ấy, sau chỉ rõ điểm khác nhau.

Tự tánh thi thiết, tự tướng lập bày. Pháp sư Cảnh nói chẳng phải là môn tự, cộng. Tự tướng giống như tự tướng của các pháp, vì tánh là danh ngôn, không thể nói.

Nay nói tự tướng, chỉ là tự tánh trong môn tự tánh sai khác của các pháp, tức là nói chung tự thể của các pháp, nên gọi là tự tướng. Do phân biệt khắp là tùy theo ngôn thuyết, chỉ kiến lập tướng, nghĩa là do khởi ngữ, tâm, nên phân biệt khắp thể, tướng các pháp, nên khởi ngôn thuyết. Lúc khởi ngôn thuyết, thì dựa vào lời nói giả kiến lập danh. Danh do tướng sinh.

Từ nhân gọi là tướng. Pháp sư Khuy Cơ nói một vật tức thể vì “đối” mà “duyên”, nên có hai thứ tánh, tướng khác nhau.

Tự tánh, nghĩa là thể. Tướng nghĩa là hình dáng, chính là nghĩa thể trạng của các pháp.

Thể nào là cú thân? Nghĩa là tức dựa vào tự tướng kia, giả đặt ra sở hữu sai khác của các pháp, nghĩa là tự tướng sai khác, được y theo pháp để nói như nói chung tâm thức, tức nói tự tướng, về sau nói tất cả nhiễm tịnh của tâm này đã có được, mất đều do tâm sinh. Người tu hành đối với tâm, các việc ác chớ làm, mọi điều thiện vâng làm, đủ chứng tỏ sự khác nhau này.

Văn thân, là hai đối tượng nương tựa: văn là chữ, chữ là nghĩa mẫu mực bất động nhất định. Nếu thuyết là văn, làm rõ nghĩa. Do dựa vào chữ này khiến cho danh, cú kia giải thích về pháp rõ ràng. Dưới đây, là nói về sự khác nhau gồm có ba:

1/ Rộng trong lược của nghĩa được giải thích, nghĩa là văn chẳng phải giải thích đúng, mà chỉ giúp danh, cú khiến hình thành thuyên biểu, xa thì có nghĩa khác, ít dần, gọi là lược. Danh, chỉ giải thích về thể



trong danh, cú (câu) giải thích về tác dụng của nghĩa thể, gọi là rộng, vì lúc câu khởi, tất nhiên phải kèm theo danh, văn, cho nên nói, câu, chủ thể giải thích sự việc ngoài một cách rộng rãi.

2/ “Duyên” danh, câu, văn, sinh ra sự hiểu biết khác nhau.

3/ Do nương tựa năm minh, để nói về các thứ phân biệt, khởi lên danh, câu v.v... nên nói danh v.v... dựa vào năm minh kia.

Trong lưu chuyển nói hoặc có thể lực tự tại lưu chuyển, nói là hạt giống bị hao hụt, hiện hành các pháp, nghĩa là dù hạt giống bị hao hụt, tự ở thế khác cũng khởi hiện hành. Trong tương ứng nói rằng các pháp kia đều ngang nhau, nên nói là đẳng, Pháp sư Thái nói các pháp ấy đều giống nhau, gọi là “đẳng”. Vì thuận nhau, giống nhau, nên nói là tương ứng. Lại, nghĩa bằng nhau là nghĩa tương ứng, như nhân thiện, được quả vui. Bình đẳng, tương xứng mà khởi ngôn thuyết. Lại, kiến lập làm nhân quả bình đẳng để cho chúng sinh được mở hiểu, gọi là bình đẳng khai giải. Pháp sư Khuy Cơ nói ngôn thuyết bằng nhau, nghĩa là ngôn thuyết, có công năng giải thích với đối tượng được giải thích, giống với pháp kia, gọi là bằng nhau (đẳng). Đây là chung cho ở tất cả ngôn thuyết bằng nhau, kiến lập, nghĩa là không chờ đợi nhân duyên của ngôn thuyết để kiến lập pháp quả.

Bằng nhau, mở mang hiểu biết, nghĩa là chỉ bày rõ ràng pháp yếu sâu kín, chủ thể giải thích xứng với đối tượng giải thích. Bình đẳng từ ngôn thuyết, cho đến mở mang sự hiểu biết, do chủ thể giải thích, xứng với đối tượng giải thích, nên nói là tương ứng.

Lại, giải thích đồng với Pháp sư Thái. Lại, ngôn thuyết có công năng giải thích thích hợp với đối tượng giải thích, tương ứng bình đẳng kiến lập, có nghĩa là tự tương của đối tượng giải thích thuận với nhau, tương ứng nhau.

Nói các phương tiện vượt vượt hơn, trong thứ lớp nói tám phần vị trẻ thơ, đồng tử v.v... Pháp sư Cảnh nói không đồng với thứ lớp của mười thời kỳ. Có riêng tám thời kỳ. Đầu tiên là thời kỳ mười tuổi là giai đoạn bệnh thứ nhất. Mười tuổi trở xuống, là nhiều bệnh. Hai mươi tuổi là phần vị sắc của tuổi ấy. Về nhan sắc của nam nữ ở thời kỳ này. Quá thời kỳ này là mất, ba mươi tuổi được gọi là giai đoạn của thể lực vẹn toàn, vì sức thân hoàn thành. Bốn mươi tuổi được gọi là giai đoạn có trí, hễ làm việc gì cũng phải vận dụng nhiều tư duy, so lường, cân nhắc. Năm mươi tuổi gọi là giai đoạn của niệm, nhớ nghĩ đến những việc được, mất của chính thân mình. Đến sáu mươi tuổi, phần vị sắc lực tổn giảm. Bảy mươi tuổi giai đoạn của trí, ý nghĩ sút kém. Đến tám mươi

tuổi, được gọi là giai đoạn của tối tăm, tán loạn.

Pháp sư Khuy Cơ nói hai thời kỳ đầu, như quyển hai nói. Thời kỳ này lấy thời kỳ thứ ba làm đầu. Trên thời kỳ đó, lại có giai đoạn của nghiệp ở trong thai mẹ. Trong số nói giới mốc của số, gọi là A-tăng-xí-da, nghĩa là xét 103 trong 102 số của kinh Hoa Nghiêm, gọi là A-tăng-kỳ da. Nhưng ở đây nói là bờ mé, vì từ đây trở đi, hầu hết toán, số đều không chuyển biến kịp. Quyển sáu của Đại môn nói về hạt giống kia. Văn chia làm bốn:

- 1/ Nói về tướng mạo của hạt giống.
- 2/ Nói về hạt giống bị hao hụt, hàng phục.
- 3/ Nói về số đầu của hạt giống.
- 4/ Nói về an lập hạt giống ở Lại-da.

Trong phần trước là pháp dụ. Pháp sư Cảnh nói: trước là nói về chủ thể huân tập đối với hạt giống không “tức”, không “ly”, nghĩa là chẳng phải phân tích các hành, có riêng vật thể thật, gọi là hạt giống, dù do chủ thể huân tập, hình thành hạt giống, nhưng nếu phân tích chủ thể huân tập, thì trong mỗi phần của các hành đều không có hạt giống thật, đây là nói không “tức”. Cũng chẳng phải chỗ khác, nghĩa là chẳng phải lìa chủ thể huân tập, hình thành hạt giống, đây là không “ly”. Tuy nhiên tức các hành, chủng tánh như thế, sinh như thế v.v... đây là nói về hạt giống đối với quả đã sinh, không “tức” không “ly”.

Nhưng “tức” các hành, nghĩa là nhắc lại hành đã sinh. Chủng tánh như thế, nghĩa là nhắc lại hạt giống “năng sinh”, tùy theo hạt giống của ba tánh, sinh ra hiện hạnh của ba tánh, nên nói “như thế v.v...” An bày như thế, gọi là hạt giống, cũng gọi là quả. Đây là nói về an bày hạt giống ở trong A-lại-da. Như hạt giống năng sinh này là hạt giống, lại là quả của người hay huân tập, không lẫn lộn nhau.

Vì lý do v.v... trở xuống, là giải thích không lẫn lộn, Pháp sư Thái nói theo Tát-bà-đa nói khổ, tập là một vật, vì nhân quả nên nói là hai, cũng không đồng với luận này. Luận này đồng với sư kinh Bộ lập ra sự nương gá. Sự huân tập trên nói là hạt giống, nhưng hạt giống này với thân quả báo không nhất định là một, khác, không lẫn lộn nhau, như lúa mì v.v... không lìa nhau. Nếu theo môn chân thật lý của Đại thừa thì hạt giống ở Thức lại-da, với thức không nhất định một, khác. Nếu y theo môn tùy chuyển lý, thì hạt giống sẽ nương tựa vào báo thân trong sự nối tiếp nhau của thân, không nhất định là một, khác. Nhiếp luận cũng nói hạt giống ở trong chỗ nương tựa và trong bản thức. Hai là vì văn y theo môn lý tùy chuyển, nên dựa theo các hành để nói. Luận sư Bị nói nhưng,

tức các hành với hạt giống như thế, bằng nhau như thế sinh, bằng nhau, đây là nói về thức sáu, thứ bảy với hạt giống không phải một, khác. An bài khắp như thế, gọi là hạt giống, cũng gọi là quả, đây là nói về bản thức với hạt giống không phải một, khác. Pháp sư Khuy Cơ nói lại giải thích của ba Luận sư trên đã xong. Nay, giải thích hơi khác, ở đây đều đối với hiện hạnh, hạt giống để luận, cũng chẳng phải chỗ khác.

Trên đây, giải thích về hạt giống với hiện hạnh không khác, mà tức các hạnh dưới đây, là nói hạt giống và hiện hạnh không phải một.

Vì sao v.v... trở xuống, là giải thích về thành lập nghĩa trên.

Ví như các vật như lúa mì v.v... trở xuống, ngài Tam Tạng nói ý trong đây nói là như một mầm lúa mì đối với cọng lúa về sau, gọi là hạt giống. Từ hạt giống trước sinh, gọi là quả, tức lấy mầm làm hạt giống của cọng, cũng làm quả của hạt giống. Nay giải thích từ “thí như...” trở xuống, cho đến “chẳng phải chỗ khác”, là nói về lúa mì v.v... từ mầm, cọng dùng làm hạt giống sinh, làm quả cho cọng v.v... không phải một, khác.

“Nhưng chủng tánh như thế, bằng nhau như thế sinh của các đại chủng v.v...” trở xuống, là nói về lúa mì này từ sức duyên của đất, nước, sau khi nảy sinh cọng, quả (hạt) không phải một, khác. Thí dụ này phần nhiều đồng với pháp ở trước, tức hạt giống của quả, cọng v.v..., lúa mì làm “duyên” sinh ra mầm v.v... về sau, được gọi là hạt giống. Phải biết rằng pháp tướng cũng giống như thế. Đây là nhân pháp giả bất tương ứng ở trước không cần hạt giống sinh. Người ngoài vặn hỏi, phát khởi: - đối với nhân duyên trước rằng, lấy thức thứ tám làm nhân duyên cho hạt giống này như thế nào, nên mới có đoạn văn này.

Nếu không thế, tức ở đây kết hợp với nghĩa riêng, sau sao lại nói rằng, lập bất tương ứng như thế, sau khi giải thích về Diệt định v.v..., mới kết văn trước này.

Nói bốn trường hợp làm tổn hại hàng phục trong gây tổn hại, hàng phục hạt giống. Pháp sư Cảnh nói:

1/ Thường huân tập nhiễm ô.

2/ Điều chấp các kiến, đều gọi là tà kiến, như các ngoại đạo.

3/ Tập tà kiến, năng dứt trừ gốc lành. Văn này không nói tà kiến chê bai khổ, tập.

Vì chung cho bốn đế... trở xuống, là tà kiến đều dứt trừ gốc lành.

4/ Do lúc định Kim cương, dứt hẳn hạt giống nhiễm. Điều thiện kết hợp với phần phước, không thể dẫn đến báo, gọi là tổn hại hàng phục. Pháp sư Khuy Cơ nói trường hợp thứ nhất là siêng năng mà không

làm lợi cho phiền não. Trường hợp thứ hai, làm lợi mà không siêng năng. Trường hợp thứ ba, cắt đứt gốc lành. Trường hợp thứ tư, cuối quyển trước đã nói chẳng phải bạn giúp đỡ, gây tổn hại, hàng phục, tức hạt giống thiện lúc người Vô học nhập Vô dư.

Do thể của hạt giống thứ tư này là không, nên gọi là tổn hại hạt giống thiện. Ba trường hợp trước đã khiến cho hạt giống thiện không có thể lực, gọi là tổn hại, chứ chẳng phải hoàn toàn bất sinh. Trường hợp thứ ba, hiện hạnh khiến bất sinh, hạt giống không có công sức, gọi là tổn hại “đắc”, không thành tựu, chẳng phải là tất cả thể “đắc” cũng không, như đã nói trong “đắc” ở trước.

Kiến chấp trong trường hợp thứ hai, chấp mắc tà kiến, đây là kiến thủ, thường huân tập tà kiến, đây là tà kiến.

Trong phần nói về số đầu của hạt giống. Pháp sư Khuy Cơ nói nếu mới huân tập thì sao? Nói “nếu trụ ở bản trụ, gọi là phẩm hạ”, giải thích rằng hạt giống này cũng đã huân tập từ vô thủy, nhưng có điều lâu lắm rồi không khởi hiện hành. Hạt giống cũ ở đây gọi là phẩm hạ. Lại, sau khi huân tập hạt giống xong, từ không chuyển biến, gọi là trung, thượng v.v... tất cả ba phẩm của hạt giống bản hữu, đều xưa cũ, vì sao đến tu luyện v.v... xong, mới gọi là phẩm trung, nghĩa là hạt giống của ba phẩm này vốn đều tự có. Nhưng trong đây, y theo nghĩa trên hạt giống của một phẩm, để nói huân tập, không huân tập, đều có ba phẩm, thể của hạt giống kia là nhất đẳng (một bằng nhau), chứ chẳng phải hạt giống của ba phẩm, biến đổi phẩm hạ thành trung. Đây gọi là chuyển biến diệt vì một hạt giống nên lại chuyển biến ngang bằng không có trở ngại. Ba phẩm của bản hữu này đã có ở trước, về sau huân tập, rèn luyện xong, biến đổi phẩm hạ ngang bằng phẩm trung, cho nên trong thân Phật, tất cả đều bình đẳng, không có hạt giống của ba phẩm thượng, trung, hạ. Trong đây, y theo chuyển biến ba phẩm ngang bằng, gọi là riêng, chứ chẳng phải một phẩm biến đổi thành ba địa vị, là nghĩa của hai Luận sư mới, cũ.

Nói về an lập hạt giống nơi bản thức. Trước hết, giải thích hạt giống hữu lậu, sau giải thích hạt giống vô lậu xuất thế. Ngài Tam Tạng nói phân biệt trong năm sự là tâm, tâm pháp của ba cõi, vì không thể chứng lý “hai không”, đều là tự tánh biến kế chấp giả dối, phân biệt mà thành hạt giống, gọi là tập khí, bao gồm chung hết tất cả hạt giống hữu lậu. Hạt giống này có thật. Trên thể thật có nhiều công năng khác nhau. Vì đối với thắng nghĩa đế là “không”, nên gọi là thế tục “có”. Thế tục có hạt giống: đối với Lại-da; đối với đối tượng sinh; đối với chủ

thể huân tập. Không thể nhất định nói là tướng của khác, không khác, cũng như chân như là vật thật có, nhưng nhất định chẳng phải một, khác với các pháp. Thắng nghĩa chân như thật có, hạt giống thế tục thật có, dù hai để riêng, nhưng thật có thì đồng. Đối với nghĩa không phải một, khác của các pháp đều ngang nhau, nên dẫn ra đây để so sánh. Pháp sư Cảnh nói: có luận nói rằng tất cả hạt giống đều là hí luận phân biệt, huân tập, chính là đồng với văn này. Sắp chứng tâm ba tánh, đều là pháp chấp, do Biến kế chấp hạt giống giả dối. Pháp sư Thái nói là ta sẽ lược nói an lập hạt giống ấy, nghĩa là ở trước, y theo môn lý tùy chuyển biến hạt giống, trước nói chẳng phải phân tích các hành, có riêng vật thật gọi là hạt giống. Nay y theo môn lý chân thật, nên nói là trong Thức A-lại-da. Pháp sư Khuy Cơ nói đối với Biến kế sở chấp không có thể, đây là tánh y tha vì có tự thể nên nói là thật, không như tánh viên thành thật gọi là thế tục có, do hạt giống biến kế, nên gọi là hạt giống biến hành, vì bị hữu lậu đã theo đuổi, ràng buộc rấn chắc từ nhiều kiếp, nên gọi là thô nặng. Hơn nữa, vì hạt giống thô nặng này khắp làm nhân cho các pháp, nên gọi là biến hành. Luận Hiển dương quyển 15 nói vì tính chất thô nặng ở đây là hành khổ, nên gọi là biến hành.

Kế là phần hỏi đáp, giải thích về hạt giống xuất thế. Các pháp xuất thế gian được xuất phát từ hạt giống ngang bằng, đối tượng duyên của chân như. Luận sư Cảnh, Bị đều nói nếu theo ngài Thắng Quân thì không lập nhà hạt giống vô lậu bản hữu, giải thích văn này có hai:

1/ Giải thích: Chư Phật, Bồ-tát do chứng chân như xoay vần tuôn ra mười hai bộ kinh, lưu hành ở đời. Kiến đạo trở xuống, thuận giải thoát phần, thuận quyết trạch phần, “duyên” giáo kinh kia, tạo ra duyên sở duyên sinh. Từ gốc đặt tên, gọi là từ duyên sở duyên của chân như sinh.

2/ Giải thích: Thánh đạo xuất thế của Sơ địa:

a) Từ pháp thế đệ nhất, thuận theo quyết trạch, khéo làm duyên tăng thượng, duyên sinh đẳng Vô gián.

b) Từ duyên sở duyên của chân như sinh. Nếu theo ngài Hộ Nguyệt, Hộ pháp phân tích tường tận về văn, cũng có hai giải thích:

- Hạt giống vô lậu bản hữu làm duyên tăng thượng, chân như làm duyên sở duyên; căn lành của thuận giải thoát phần được sinh.

- Lấy hạt giống vô lậu bản hữu làm nhân duyên, giải thoát phần v.v... làm duyên tăng thượng; pháp thế đệ nhất làm duyên đẳng Vô gián ; chân như làm duyên sở duyên, pháp xuất thế gian của sơ địa được sinh. Nói từ thuyết của duyên sau, nên nói các pháp xuất thế gian đều từ duyên sở duyên của chân như sinh ra. Pháp sư Cảnh lại vì ngài Hộ Pháp

v.v... giải thích văn này, chính thức đáp về nhân duyên sẽ được hỏi. Đáp từ hạt giống bản hữu sinh. Nếu tập khí này bao gồm tất cả hạt giống, còn gọi là biến hành, thô nặng thì pháp xuất thế gian của kiến đạo ba thừa kia sẽ sinh từ hạt giống nào. Nếu nói là hạt giống với tự tánh thô nặng làm hạt giống sinh thì không hợp với đạo lý.

Dưới đây là đáp: - Các pháp xuất thế gian đều sinh ra từ hạt giống duyên sở duyên của chân như, chứ chẳng phải từ hạt giống chứa nhóm của tập khí kia mà sinh ra. Ý đáp, nói là kiến đạo của ba thừa từ hạt giống bản hữu là chánh nhân của trí vô phân biệt “duyên” chân như. Nay, từ hạt giống kia sinh, nên nói là từ hạt giống duyên sở duyên của chân như sinh, chứ chẳng phải từ hạt giống chứa nhóm hữu lậu kia sinh.

Pháp sư Thái nói Luận sư Thắng Quân chỉ lập mới huân tập, nên chân như là duyên sở duyên. Vô lậu đầu tiên khởi, chỉ từ hạt giống, đối tượng duyên của chánh trí sinh, vô lậu ban đầu không sinh từ nhân duyên. Ngài Hộ Nguyệt v.v... chỉ lập bản hữu huân tập. Tánh huân tập bản hữu chứng chân như, là duyên sở duyên huân tập bản hữu. Sự huân tập này được gọi là hạt giống duyên sở duyên của chân như. Thánh đạo đầu tiên sinh khởi từ hạt giống này. Luận sư Giới Hiền lập ra hai huân tập mới, cũ. Huân tập cũ, như các ngài Hộ Nguyệt v.v... đã giải thích: - Dù bản hữu huân tập cũ, nhưng nếu không có huân tập mới thì huân tập cũ sẽ không thể sinh Thánh đạo, mà mới, cũ hòa hợp, mới có thể sinh Thánh đạo. Vì trí tánh huân tập mới cũ “duyên” chân như nên nói là pháp xuất thế gian từ hạt giống duyên sở duyên của chân như sinh. Luận Nhiếp Đại Thừa nói huân tập văn với tánh giải hòa hợp, tất cả Thánh đạo đều từ đây sinh.

Hỏi: Nếu chẳng phải tập khí chứa nhóm hạt giống mà nảy sinh, cho đến tất cả đều có duyên sở duyên của chân như, đây là vặn hỏi của người ngoài. Đại ý vặn hỏi nếu pháp xuất thế gian có hạt giống riêng duyên sở duyên của chân như sinh, thì tất cả hữu tình đều duyên sở duyên của chân như, lẽ ra đều có hạt giống duyên như, làm sao kiến lập có Bát Niết-bàn, không Bát Niết-bàn.

Dưới đây, y cứ có chướng, không chướng, nhằm làm rõ hạt giống xuất thế trong thân người kia là có thành tựu hay không thành tựu, nên có năm tánh riêng.

Nói phải biết rằng do sức “chuyển y” nên đã gánh vác lấy, nghĩa là kiến đạo của ba thừa chuyển phàm thành Thánh, gọi là “chuyển y”. “Chuyển y” tức là chân như. Chân như làm duyên, gánh vác lấy các



hạnh vô lậu xuất thế, tùy chuyển nối tiếp nhau. Ngài Tam Tạng nói kinh Lăng-già quyển thứ hai loại tám quyển nói về năm chủng tánh, tánh quyết định của ba thừa là ba người trước, bốn là tánh bất định, năm là Nhất xiển-đề. Xiển đề có hai loại:

1/ xiển đề Bồ-tát, nghĩa là rốt ráo không thành Phật.

2/ Xiển đề đoạn thiện: Nếu gặp duyên tốt, tất nhiên sẽ được thành Phật. Ngoài ra, ở vào thời đại phương Tây, sẽ thấy rõ. Văn bản cũng đồng với bản Lăng-già chữ Phạm.

Các đại đức phương Tây thừa nhận nghĩa này, nói Lăng-già không nói là người thứ năm không có tánh hữu tình, chỉ nói có hai loại xiển đề trong hạt giống Phật:

1/ Hạng cắt đứt căn lành, gặp duyên, nối tiếp trở lại, rốt ráo sẽ thành Phật.

2/ Là Bồ-tát với đại bi thuận, vì chúng sinh, nên không thành Chánh giác. Nhằm nói lên sự ít có mâu nhiệm này, nên đặc biệt nói riêng, tức kinh Đại Tập nói rằng Bồ-tát phát tâm thể cứu độ chúng sinh. Chúng sinh chưa hết, ta quyết định sẽ không thành Phật. Nếu chúng sinh hết, công dụng của ta thôi dứt, thì công lúc ấy mới vào Niết-bàn.

Lại, luận Trí Độ nói có các Bồ-tát, nhân hạnh đã viên mãn, không nhận lấy ngôi vị Chánh giác, như Bồ-tát Văn Thù v.v...

Luận Trang Nghiêm quyển hai nói người không có Phật tánh, nghĩa là thường xuyên không có tánh. Nếu đến bản quốc, tất nhiên họ sẽ không nẩy sinh niềm tin. Ta mong sẽ đến với họ, đem vấn đề chủng tánh để cùng thảo luận, và nói với họ rằng, ngài Giới Hiền sắp đến đây. Bây giờ, các Đại đức đều đưa ra văn luận về người không có tánh, đồng loạt quả rằng: Lìa xa chiếc xe, con người hiểu biết là vật gì mà lại bị người kia gây tổn hại.

Pháp sư Khuy Cơ nói Luận sư Thắng Quân đã mới gieo trồng, y theo chương để nói về ba thừa, tức lấy văn này làm chính. Ngài Hộ Nguyệt, Hộ Pháp dù có hạt giống bản hữu, nay y theo chương để nói, chứ chẳng phải hạt giống cũ không có. Dù cho có chương của chủng tánh không thể dứt trừ, cũng gọi là không có chủng tánh, hướng chi là sức của pháp nhĩ. Có chủng tánh, không có chủng tánh làm “duyên”, mà chương có thể dứt, không thể dứt khác nhau. Nay y theo chương để nói nghĩa cũng không có lỗi, đều do quả lúc bấy giờ đã hưởng đến chương trong nhân không được, nên y theo chương để nói, vì hạt giống vô lậu ẩn giấu, vì pháp nhĩ cho nên không nói, từ chương ngại mà luận.

DU-GIÀ LUẬN KÝ - QUYỂN MƯỜI BA (Phần cuối, hết)